

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

(Ngày 01 tháng 12 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: TRẦN VĂN GIỚI Ngày tháng năm sinh: 12/4/1982
- Chức vụ/chức danh công tác: Văn phòng HĐND và UBND xã Đức Lập
- Cơ quan/đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân xã Đức Lập
- Nơi thường trú: Thôn 09, xã Đức Lập, tỉnh Lâm Đồng
- Số căn cước công dân⁽³⁾: 035082007496 ngày cấp 08/5/2022 nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Quách Thị Diệu Thúy; Ngày tháng năm sinh: 26/10/1985
- Nghề nghiệp: Cán bộ Công an
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Công an xã Đức Lập
- Nơi thường trú: Thôn 09, xã Đức Lập, tỉnh Lâm Đồng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034185013317 ngày cấp 15/04/2021 nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Trần Thị Diệu Linh. Ngày tháng năm sinh: 20/5/2010
- Nơi thường trú: Thôn 09, xã Đức Lập, tỉnh Lâm Đồng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:còn nhỏ.....
ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Trần Minh Huy. Ngày tháng năm sinh: 29/4/2013
- Nơi thường trú: Thôn 09, xã Đức Lập, tỉnh Lâm Đồng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:còn nhỏ.....
ngày cấp..... nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: TDP 9, Thị trấn Đăk Mil, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông
- Diện tích⁽⁹⁾:745m².....
- Giá trị⁽¹⁰⁾:1.500.000.000 đồng.....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CI318668 cấp cho ông Trần Văn Giới và bà Quách Thị Diệu Thúy

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Cha, mẹ tặng cho con cái.

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Không

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất: Đất Nông nghiệp



- Địa chỉ⁽⁸⁾: Xã Đăk Lao, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông
- Diện tích⁽⁹⁾: 9.910m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾:500.000.000 đồng.....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CD 345679 cấp cho ông Trần Văn Giới và bà Quách Thị Diệu Thúy

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:(đang sống chung với cha mẹ).....

- Địa chỉ:

- Loại nhà⁽¹⁴⁾:

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:.....Cà phê..... Số lượng:...1.000 cây... Giá trị⁽¹⁰⁾: 100.000.000 đồng

- Loại cây:.....tiêu..... Số lượng:.....300..... Giá trị⁽¹⁰⁾: 80.000.000 đồng

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

Clong

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:.. Ô Tô Số đăng ký:..... Giá trị: 500.000.000 triệu.

- Tên tài sản:.....xe máy..... Số đăng ký:.....02..... Giá trị: 50.000.000 triệu.

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾. Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 724.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 126.000.000 đồng/năm

- Tổng thu nhập của vợ: 240.000.000 đồng/năm

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:không.....

- Tổng các khoản thu nhập chung: 358.000.000 đồng


III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng đất 1.1/Đất ở			
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	+ Vay vốn	300.000.000 đồng	Vay để đầu tư phát


(Handwritten signature)

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			triển sản xuất
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký			
8. Tài sản ở nước ngoài			
9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.		+ 724.000.000 đồng	- Tổng thu nhập từ lương: 366.000.000 đồng/năm - Tổng các khoản thu nhập chung: 358.000.000 đồng/năm.

Đức Lập, ngày 01 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


Thùy Linh Khắc Tuyền.

Đức Lập, ngày 01 tháng 12 năm 2025.
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Văn Giới

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

(Ngày 01 tháng 12 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG.

1. Người kê khai tài sản, thu nhập:

- Họ và tên: **ĐIỀU LÊ NAM NAM** Ngày tháng năm sinh: 20/9/1992.
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã.
- Cơ quan/đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân xã Đức Lập.
- Nơi thường trú: Tổ dân phố 2, phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 067092000037, ngày cấp 12/03/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập:

- Họ và tên **TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ** Ngày tháng năm sinh: 15/7/2001.
- Nghề nghiệp: Chuyên viên phòng Dịch vụ Khách hàng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đăk Nông.
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đăk Nông.
- Nơi thường trú: Tổ dân phố 2, phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 068301011859, ngày cấp 12/8/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật):

3.1. Con thứ nhất.

- Họ và tên: **ĐIỀU TRẦN MINH KHÔI** Ngày tháng năm sinh: 24/02/2025
- Nơi thường trú: Tổ dân phố 2, phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng.
- Số định danh cá nhân: 067225000605

3.2. Con thứ hai.

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp..... nơi cấp

3.3. Con thứ ba (nếu có)



Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾

1.1. Đất ở⁽⁷⁾

1.1.1. Thừa thứ nhất

- Loại đất: Đất ở Địa chỉ⁽⁸⁾: Tổ dân phố 5, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

- Diện tích⁽⁹⁾: 306 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 600.000.000đ

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS582072 tên Điều Lê Nam Nam

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên):

- Loại đất: Đất ở Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

- Diện tích: 201,2 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 2.000.000.000đ.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DM040361 đứng tên Trần Thị Quỳnh Như.

- Thông tin khác (nếu có): Chuyên nhượng cho bà Trần Thị Quỳnh Như, sinh năm 2001, CCCD số 068301011859, địa chỉ thường trú tại Tổ dân phố 4, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, theo hồ sơ số 000193.CN.002.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾

1.2.1. Thừa thứ nhất

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng

2.1. Nhà ở

2.1.1. Nhà thứ nhất

- Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾: 70m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 300.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS582072 tên Điều Lê Nam Nam
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾

2.2.1. Công trình thứ nhất

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất

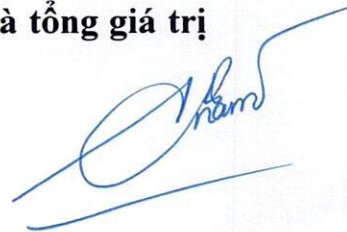
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾

Vay ngân hàng 1.600.000.000 đồng để đầu tư bất động sản

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại)



6.1. Cổ phiếu

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾

- Tên tài sản: Giá trị:
- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾**9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾**

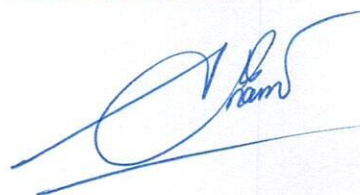
- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾

- Tổng thu nhập của người kê khai: 143.500.000 đồng, bao gồm:
 - + 143.500.000 đồng (Từ 01/2025 đến 12/2025 với thu nhập từ lương, thưởng, làm thêm ngoài giờ).
 - + 24,000,000 đồng (Tiền cho thuê nhà trong năm 6 tháng đầu năm 2025)
- Tổng thu nhập của vợ: 250.000.000 đồng (lương và phụ cấp thai sản).
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:
- Tổng các khoản thu nhập chung: 417.500.000 đồng.


III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này)

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở Mua thửa đất tại phường Nghĩa Đức 1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	+ Vay vốn	1.600.000.000 đồng	Vay để trả tiền đầu tư bất động sản
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			

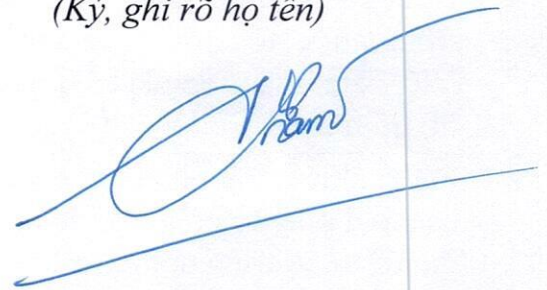


<p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p>			
<p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p>			
<p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>		<p>2.017.500.000 đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng thu nhập từ lương cá nhân: 143.500.000 đồng - Tổng thu nhập từ lương và phụ cấp thai sản của vợ 6 tháng đầu năm: 250.000.000 đồng - Tiền cho thuê nhà năm 2025: 24.000.000 đồng - Vay để trả tiền đầu tư bất động sản: 1.600.000.000 đồng

Đức Lập, ngày 01 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


 Huỳnh Khắc Toàn.

Đắc Nông, ngày 01 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)


 Điểu Lê Nam Nam

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 01 tháng 12 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **LŨ MINH QUÂN**; Ngày sinh: 18/10/1992
- Chức vụ/chức danh công tác: Đảng viên; Chuyên viên
- Cơ quan/đơn vị công tác: Văn phòng HĐND và UBND xã Đức Lập
- Nơi thường trú: Thôn 2, xã Đức Lập, tỉnh Lâm Đồng
- Số Căn cước công dân: 067092005622, cấp ngày 27/12/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **TRẦN THỊ ÚT NHỎ**; Ngày sinh: 18/01/1992
- Nghề nghiệp: Người hoạt động không chuyên trách
- Nơi làm việc: Văn phòng HĐND và UBND xã Đức Lập
- Nơi thường trú: Thôn 2, xã Đức Lập, tỉnh Lâm Đồng
- Số Căn cước công dân: 030192010868, cấp ngày 17/01/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1 Con thứ nhất:

- Họ và tên: **LŨ KIM HUY**; Ngày sinh: 12/3/2020
- Nơi thường trú: Thôn 2, xã Đức Lập, tỉnh Lâm Đồng
- Số Căn cước công dân:

3.2 Con thứ nhất:

- Họ và tên: **LŨ QUỲNH ANH**; Ngày sinh: 17/6/2024
- Nơi thường trú: Thôn 2, xã Đức Lập, tỉnh Lâm Đồng
- Số Căn cước công dân:

3.3. Con thứ ba :

- Họ và tên: **Mới sinh**; Ngày sinh: 27/11/2025

huy

- Nơi thường trú: Thôn 2, xã Đức Lập, tỉnh Lâm Đồng
- Số Căn cước công dân:

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng đất thực tế:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thừa thứ nhất: Không

1.1.2. Thừa thứ 2: Không

1.2. Các loại đất khác: Không

1.2.1. Thừa thứ nhất: Không

1.2.2. Thừa thứ hai: Không

1.2.3. Thừa thứ ba: Không

2. Nhà ở, công trình xây dựng: Không

2.1. Nhà ở: Không

2.1.1 Nhà thứ nhất: Không

3. Tài sản khác gắn liền với đất: Không

3.1. Cây lâu năm: Không

3.2. Rừng sản xuất: Không

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...): Không

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác): Không

8. Tài sản ở nước ngoài: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài: Không

- Tên chủ tài khoản: Không có, số tài khoản:



- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:
- 10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: 162.000.000 đồng
- Tổng thu nhập của người kê khai: 114.000.000 đồng
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 48.000.000 đồng
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:
- Tổng các khoản thu nhập chung: 0 đồng

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở:	Không		
1.2. Các loại đất khác	Không		
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở	Không		
2.2. Công trình xây dựng khác	Không		
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất	Không		
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất	Không		
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Không		
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	Không		
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):	Không		
6.1. Cổ phiếu	Không		
6.2. Trái phiếu	Không		
6.3. Vốn góp	Không		

Handwritten signature

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác	Không		
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).	Không		
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).	Không		
8. Tài sản ở nước ngoài.		+162 triệu đồng	
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.			+ Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp: 162 triệu đồng.

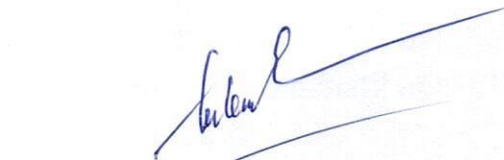
Đức Lập, ngày 01 tháng 12 năm 2025

Đức Lập, ngày 01 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN


Huỳnh Khắc Toàn


Lữ Minh Quân

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP ...⁽¹⁾
(Ngày 01 tháng 12 năm 2025)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Phan Văn Phúc. Ngày tháng năm sinh: 29/07/1983

- Chức vụ/chức danh công tác: Chuyên viên văn phòng

- Cơ quan/đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân xã Đức Lập

- Nơi thường trú: Thôn 1 xã Đức Lập tỉnh Lâm Đồng

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 067083000121

ngày cấp 10/8/2023. nơi cấp Cục trưởng CCS QLHC về TTXH

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Hà Thị Hoài. Ngày tháng năm sinh: 03/03/1982

- Nghề nghiệp: Công chức

- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Ủy ban mặt trận tổ quốc xã Đức Lập

- Nơi thường trú: Thôn 1 xã Đức Lập tỉnh Lâm Đồng

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 030182012035

ngày cấp 15/04/2021. nơi cấp Cục trưởng CCS QLHC về TTXH.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Phan Thị Hoài An. Ngày tháng năm sinh: 13/11/2013

- Nơi thường trú: Thôn 1 xã Đức Lập tỉnh Lâm Đồng.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 067313004283

ngày cấp 28/7/2024 nơi cấp: Bộ công an

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: Phan Thị Ngọc Mai. Ngày tháng năm sinh: 17/10/2018

- Nơi thường trú: Thôn 1 xã Đức Lập tỉnh Lâm Đồng.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 067318002838

ngày cấp 18/7/2024 nơi cấp: Bộ công an

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Thôn Thuận Hòa, xã Thuận an, tỉnh Lâm Đồng

- Diện tích⁽⁹⁾: 183m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 625.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CR842482
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:
- 1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.
- 1.1. Đất ở⁽⁷⁾:
 - 1.1.1. Thửa thứ hai:
 - Địa chỉ⁽⁸⁾:
 - Diện tích⁽⁹⁾:
 - Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾:
 - Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:
- 1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:
 - 1.2.1. Thửa thứ nhất:
 - Loại đất:..... Địa chỉ: Thôn Đăk Quang, xã Thuận An, tỉnh Lâm Đồng
 - Diện tích: 5467 m²
 - Giá trị⁽¹⁰⁾: 360.000.000 đồng
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng: DA 131821
 - Thông tin khác (nếu có):
 - 1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.
- 2. Nhà ở, công trình xây dựng:
 - 2.1. Nhà ở:
 - 2.1.1. Nhà thứ nhất:
 - Địa chỉ: Thôn 1, xã Đức Lập, tỉnh Lâm Đồng
 - Loại nhà⁽¹⁴⁾: nhà tầng
 - Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 180m²
 - Giá trị⁽¹⁰⁾: 500.000.000đ
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu: CS 698729
 - Thông tin khác (nếu có):
 - 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.
 - 2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:
 - 2.2.1. Công trình thứ nhất:
 - Tên công trình:..... Địa chỉ:
 - Loại công trình:..... Cấp công trình:
 - Diện tích:

- Giá trị ⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
 - Thông tin khác (nếu có):
- 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.
3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:
- 3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):
- 6.1. Cổ phiếu:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
 - Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- 6.2. Trái phiếu:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
 - Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- 6.3. Vốn góp⁽²²⁾:
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
 - Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:
- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
 - Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....
7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:
- 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:
- Tên tài sản: . Số đăng ký: Giá trị:
 - Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:


- Tổng thu nhập của người kê khai: 133.000.000đ/năm
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 140.000.000đ/năm
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không.
- Tổng các khoản thu nhập chung: 250.000.000đ/năm

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):


Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			

<p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>		<p>523.000.000 đ</p>	<p>Lương bản thân: 133.000.000đ</p> <p>-Lương của chồng: 140.000.000đ</p> <p>-Thu nhập chung từ Cà phê, hồ tiêu, sầu riêng: 250.000.000đ</p>
--	--	----------------------	--

Đã lập ngày *01* tháng *12* năm *2025*
NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


 Huỳnh Khắc Toàn

Đã lập ngày *01* tháng *12* năm *2025*
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)


 Phan Văn Phúc